

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:542/2022/HNGĐ-ST

Ngày:18-7-2022

V/v *Tranh chấp*: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh

2. Bà Đặng Thụy Thùy Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục - Thư ký toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

**Bị đơn:* Nguyễn Trần Tấn Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn ngày 05/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc C trình bày: Chị và anh Nguyễn Trần Tấn Đ tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hương vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ có quen người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đến tháng 5 năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể kéo dài cuộc sống chung nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 22/9/2013 và Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 17/8/2021. Con hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng/1 con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/6/2022, bị đơn anh Nguyễn Trần Tấn Đ trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Ngọc C xác lập hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, đến tháng 5 năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân. Nay anh đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Có 02 con chung như chị C trình bày, hai con hiện đang sống cùng chị C, anh đồng ý để chị C tiếp tục nuôi con, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/1con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị C giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Đ, chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng mỗi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi các con thành niên lao động được. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C xin ly hôn với anh Đ, giao 02 con chung cho chị C nuôi, anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/1 con cho đến khi con trưởng thành, lao động được. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Nguyễn Trần Tấn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Nguyễn Trần Tấn Đ tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn

và được Ủy ban nhân dân xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được, đến tháng 5 năm 2021 anh chị sống ly thân cho đến nay. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị C xin ly hôn anh Đ cũng đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 22/9/2013 và Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 17/8/2021, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con. Xét hai con hiện đang sống với chị C và nguyện vọng của cháu B T là muốn sống với mẹ, còn cháu Gia Bảo hiện còn rất nhỏ, chưa được 01 tuổi, phía anh Đ cũng đồng ý để chị C nuôi con do đó, nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu T và cháu B cần để chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi con thành niên, phía anh Đ vắng mặt tại phiên toà nhưng tại lời khai ngày 23/6/2022 anh đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị C nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/1 con của chị C.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc C

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn với anh Nguyễn Trần Tấn Đ.

Về con chung: Giao 02 con tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 22/9/2013 và Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 17/8/2021 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu B mỗi tháng mỗi cháu là 5.000.000 đồng. Thực hiện cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020298 ngày 19/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị C đã nộp xong án phí. Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang,;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Hương, CT, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phan Thị Kim Hà